

Số: 56/2020/QĐST – HNGĐ

G, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2020/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Phố Mỹ Sơn, thị trấn Me, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1992.

Địa chỉ : Phố Mỹ Sơn, thị trấn Me, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn N và chị Hoàng Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Hoàng Thị B đều xác định có hai con chung. Cháu lớn tên là Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/07/2012; cháu thứ hai tên là Nguyễn Xuân P, sinh ngày 29/7/2018. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao hai cháu Nguyễn Hồng N và Nguyễn Xuân P cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 7/2020 cho đến khi các cháu Nguyễn Hồng N, Nguyễn Xuân P đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung:

Anh Nguyễn Văn N và chị Hoàng Thị B tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N nhận nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2013/0000079 ngày 04/6/2020. Trả lại cho anh N số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án DS huyện GV;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Me;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q